TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LÀO CAI** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LÀO CAI – TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Minh Yên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Ngân

2. Bà Vũ Thị Hòa

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lưu Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị L, Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: anh Nguyễn Văn H, địa chỉ: Thôn S, xã V, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đặng Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy nhân dân xã V vào ngày 21/02/2014 theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, nên thường xảy ra cãi vã, không thống nhất được về kinh tế. Mâu thuẫn gia đình của vợ chồng anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Sau khi kết hôn chị Đặng Thị L và anh Nguyễn Văn H có 01 người con chung là cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 15/7/2018, hiện nay cháu đang

ở cùng chị L tại thôn K, xã H, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguyện vọng của chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D cho đến khi cháu trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị Đặng Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Tại bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Văn H xác nhận anh và chị Đặng Thị L kết hôn tự nguyện, có làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục địa phương năm 2013, đăng ký kết hôn năm 2014 như chị L đã trình bày. Anh chị chung sống hạnh phúc không phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 7/2020 anh đi làm ở Hải Phòng thì chị L đưa con về Vĩnh Phúc sinh sống, đến năm 2021 chị L tự chuyển khẩu về Vĩnh Phúc. Sau khi chị L đưa cháu D về Vĩnh Phúc anh có về quê đón con thì được chị L đồng ý nhưng ông ngoại không đồng ý, sau đó anh không về thăm chị L và cháu D được vì ảnh hưởng của dịch bệnh. Trong suốt thời gian từ năm 2020 đến năm 2022, chị L và cháu D ở Vĩnh Phúc, anh H chỉ về thăm cháu D một lần vào tháng 10/2020 và một lần vào tháng 4/2022, vì do anh đi làm xa và ảnh hưởng của dịch bệnh. Nay chị L khởi kiện xin ly hôn, ý kiến của anh H tại phiên tòa, anh cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn H xác nhận anh và chị Đặng Thị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 15/7/2018, hiện nay cháu đang ở cùng chị L tại xã H, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh H trình bày nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng: Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H xác nhận anh và chị L không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết các vấn đề trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Bị đơn anh Nguyễn Văn H đăng ký Hộ khẩu thường trú tại Thôn S, xã V, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Căn cứ Điểm b, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị L và anh Nguyễn Văn H có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị L và anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh và do đặc thù công việc nên anh chị đã sống ly thân. Chị L đã đưa con chung của anh chị là cháu Nguyễn Tiến D về cư trú tại thôn K, xã H, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc, và đã đăng ký hộ khẩu tại đây. Còn anh H sau khi đi làm ở Hải Phòng, đến

nay về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại thôn S, xã V, thành phố Lào Cai. Tại phiên tòa chị Đặng Thị L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh H, đề nghị Tòa án xem xét. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn H cũng xác nhận anh chị không ở cùng nhau từ tháng 7/2020 đến nay, từ khi chị L đưa con về ở nhà bố mẹ đẻ, anh H chỉ về thăm mẹ con chị L một lần vào tháng 10/2020 và một lần vào tháng 4/2022, còn lại thời gian anh chỉ liên lạc với mẹ con chị L qua điện thoại. Đến nay anh cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không thể níu kéo được, nên anh cũng có nguyện vọng được ly hôn với chị L, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc chị L làm đơn xin ly hôn do anh chị không còn tình cảm với nhau và đã sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay, anh chị không còn quan tâm, chia sẻ về công việc, cuộc sống, cũng như về kinh tế gia đình. Tại phiên tòa anh H cũng xác nhận anh chị không còn tình cảm nữa, do đó có thể xác định hôn nhân của chị L và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Mặt khác, anh chị không chung sống cùng nhau, không chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc gia đình, như vậy anh chị đã không còn tình nghĩa vợ chồng nữa. Do đó việc chị L xin ly hôn là có căn cứ nên được chấp nhận, Hôn nhân của chị L và anh H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Về con chung: Cả chị Đặng Thị L và anh Nguyễn Văn H đều xác nhận anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 15/7/2018, hiện nay cháu đang ở cùng chị L tại thôn K, xã H, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình giải quyết và tại đơn xin xét xử vắng mặt chị L vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Nguyễn Tiến D còn nhỏ, từ năm 2020 khi cháu mới được 02 tuổi đã sống cùng với mẹ là chị Đặng Thị L. Tại phiên tòa anh H cũng xác nhận trong suốt thời gian anh chị sống riêng, anh chỉ về thăm chị L và cháu D 02 lần, một lần vào tháng 10/2020 và một lần vào tháng 4/2022, còn lại do anh bận công việc và do ảnh hưởng của dịch bệnh nên anh không về thăm cháu D. Trong suốt thời gian này anh H cũng chỉ gửi một lần cho chị L số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) để nuôi con. Việc anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi cháu D là do anh thấy chị L thường xuyên đi làm ca từ sáng sớm đến tối muộn mới về nhà nên không có thời gian chăm sóc con, căn cứ là mỗi lần anh gọi điện để gặp cháu D thì chị L đều nói là đang đi làm hay chưa về nhà. Anh cũng xác nhận cháu D khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ngoài lời khai tại phiên tòa anh H không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của mình. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi cháu Nguyễn Tiến D chưa đủ 02 tuổi đến nay, việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D là do chị L thực hiện, việc này được các bên đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh. Mặt khác, chị L có nguyện vọng được nuôi con, chị cũng đã cung cấp cho Tòa án xác nhận thu nhập, đăng ký hộ khẩu thường trú, do đó hội đồng xét xử xét thấy, chị Đặng Thị L có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến D, việc giao

cháu D cho chị L nuôi là phù hợp với điều kiện hiện tại khi cháu D đang sinh sống ổn định, đáp ứng được điều kiện về vật chất, tinh thần cho cháu. Đối với việc anh Nguyễn Văn H cho rằng chị L nuôi con không đảm bảo nhưng không có căn cứ chứng minh nên không được tòa án chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị L, giao con chung của chị Đặng Thị L và anh Nguyễn Văn H là cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 15/7/2018 cho chị Đặng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành 18 tuổi, hoặc cho đến khi chị L và anh H có thỏa thuận khác, anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]Về tài sản chung: Chị Đặng Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Đặng Thị L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị L, cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn H. Hôn nhân của chị Đặng Thị L và anh Nguyễn Văn H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung của chị Đặng Thị L và anh Nguyễn Văn H là cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 15/7/2018 cho chị Đặng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Đặng Thị L đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai ký hiệu: AC-21P, số 0001447 ngày 08/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Chị Đặng Thị L đã thi hành xong khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lào Cai;
-VKSND TP; VKSND tỉnh Lào Cai;
-Chi cục THADS TP Lào Cai;
-Các đương sự;
-UBND xã V (ĐKKH số 09/Q1, ngày 21/02/2014);
-Lưu HS, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lý Thị Minh Yên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Ngân **Vũ Thị Hòa** **Lý Thị Minh Yên**